Thứ Năm, Ngày 20 Tháng 7 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***" Tích lũy "***

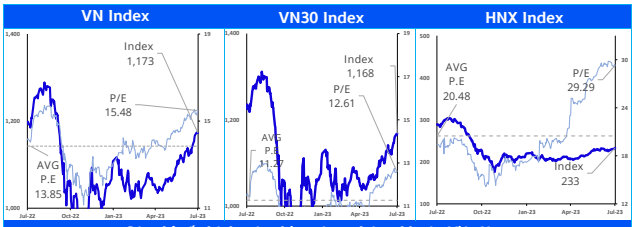
▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước đó, cổ phiếu vốn hóa lớn thay phiên nhau tăng giảm đan xen ở các phiên qua khiến thị trường đi ngang tích lũy.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 0.17 điểm, tương ứng với 0.01%, đạt 1,172.81 điểm; HNX-Index tăng 1.60 điểm (+0.69%), đạt 233.07 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 16.4 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 797 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 50 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở MSB, MSN và STB.

▶ HPG (+2.92%), HAH (+48.45%), VPB (+1.69%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, VCB (-1.41%), VHM (-1.37%), MSN (-1.61%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vật liệu xây dựng và Chế biến thủy sản là 2 nhóm ngành tăng ấn tượng trong phiên hôm nay với các mã tiêu biểu như: HPG, VHC và ANV.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường có biên độ giao dịch lớn hơn thể hiện yếu tố giằng co giữa bên mua và bán, xu hướng thị trường kì vọng vẫn khỏe, khi hiện chưa thật sự có 1 phiên nào chỉ số giảm điểm đáng kể. Nền hỗ trợ MA 10 đang dần được nâng lên vẫn thể hiện xu hướng tăng tốt VNINDEX. Tuy nhiên chỉ báo STOCH RSI đã cắt xuống đường tín hiệu, cho thấy thị trường đang trong đoạn điều chỉnh ngắn hạn.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,173 | 0.0 | 5.5 | -1.8 | 16.0 | 1.8 | 4,676,288 |
| VN30 Index | 1,168 | 0.3 | 5.8 | -4.7 | 13.0 | 1.7 | 3,335,134 |
| VN Midcap | 1,575 | 0.5 | 7.5 | -3.5 | 13.9 | 1.5 | 855,677 |
| VN Smallcap | 1,389 | 0.4 | 4.6 | -6.1 | 25.6 | 1.1 | 258,069 |
| HNX Index | 233 | 0.7 | 1.9 | -19.3 | 29.8 | 1.3 | 271,669 |
| UpCom | 88 | 0.6 | 3.3 | -1.4 | 13.4 | 1.8 | 1,062,567 |

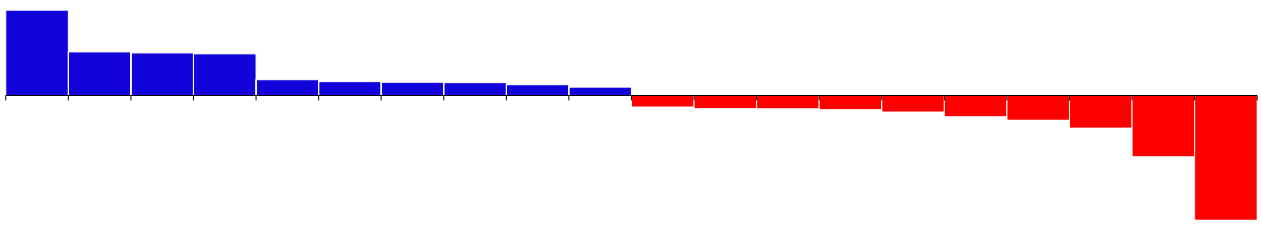
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 1.3 | 15.7 | 19.6 | 0.8 | 19.5 | 2.9 | 100,308 |
| Bảo hiểm | 0.0 | 4.6 | 3.2 | -16.3 | 18.7 | 1.6 | 46,942 |
| Bất động sản | -0.2 | 3.1 | 11.1 | -21.8 | 15.4 | 1.6 | 831,219 |
| CNTT | 2.0 | 7.8 | 20.8 | 7.7 | 19.6 | 3.7 | 116,442 |
| Dầu khí | -0.9 | 5.5 | 42.7 | 1.6 | 44.3 | 2.6 | 64,228 |
| Dịch vụ tài chính | -0.4 | 6.0 | 59.8 | 15.9 | 25.5 | 1.6 | 149,968 |
| Tiện ích | -0.2 | 2.7 | 6.6 | -1.8 | 12.0 | 2.2 | 323,328 |
| Du lịch và Giải trí | 0.4 | 1.2 | -8.1 | -20.2 | n.a | 9.0 | 93,539 |
| Hàng & DV CN | 1.3 | 6.4 | 18.8 | 2.4 | 12.9 | 1.7 | 135,663 |
| Hàng CN & Gia dụng | 0.3 | 6.6 | 1.8 | -5.8 | 11.2 | 1.8 | 52,788 |
| Hóa chất | 0.1 | 12.9 | 30.9 | -14.5 | 8.0 | 1.5 | 171,356 |
| Ngân hàng | -0.4 | 4.8 | 21.5 | 15.8 | 9.0 | 1.7 | 1,771,677 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.2 | 0.7 | 10.8 | -14.5 | 12.0 | 1.0 | 19,853 |
| Tài nguyên Cơ bản | 2.4 | 16.5 | 51.8 | 15.8 | 28.1 | 1.5 | 212,648 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.2 | 6.1 | -4.4 | -10.7 | 20.7 | 3.1 | 475,577 |
| Truyền thông | -0.4 | -7.3 | 42.4 | -23.6 | 17.2 | 0.9 | 1,255 |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.9 | 7.2 | 45.8 | 0.7 | 24.2 | 1.3 | 114,189 |
| Y tế | 0.8 | 8.4 | 35.6 | 27.6 | 16.9 | 2.5 | 41,327 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 100 | -0.1 | 0.4 | -2.3 | -1.6 | -3.2 | -6.4 |
| USD/JPY | 140 | -0.1 | 1.1 | -1.4 | 3.9 | 6.4 | 0.9 |
| USD/CNY | 7 | -0.6 | 0.4 | 0.0 | 4.5 | 4.1 | 6.3 |
| KRW/USD | 1,270 | 0.3 | -0.4 | -0.8 | -4.0 | 0.3 | -3.3 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | 0.1 | -2.6 | -2.1 | -4.5 | -9.2 |
| USD/VND | 23,644 | 0.0 | -0.2 | 0.5 | 0.7 | 0.0 | 1.0 |
| Dầu Thô | 75 | 0.1 | -1.9 | 7.0 | -2.4 | -6.1 | -26.3 |
| Xăng | 237 | -12.9 | -11.5 | -9.1 | -8.3 | -3.6 | -27.6 |
| Khí đốt | 3 | 2.1 | 4.4 | 6.6 | 18.1 | -40.6 | -66.8 |
| Than | 132 | -1.7 | 2.3 | 2.8 | -31.4 | -67.3 | -67.0 |
| Vàng | 1,981 | 0.2 | 1.0 | 2.3 | -1.2 | 8.6 | 16.8 |
| Thép cuộn | 3,876 | 0.2 | 0.6 | -0.6 | -8.5 | -6.5 | -10.0 |

**Đóng góp vào VN Index**



| HPG | HAH | VPB | FPT | MWG | SHB | DGC | MSB | VJC | TMS | LGC | SSI | STB | GVR | EIB | CTG | TCB | MSN | VHM | VCB |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (2.92%) | (48.45%) | (1.69%) | (2.29%) | (1.24%) | (1.77%) | (2.68%) | (2.72%) | (1.14%) | (6.79%) | (-6.83%) | (-1.75%) | (-1.42%) | (-0.92%) | (-3.18%) | (-0.84%) | (-1.24%) | (-1.61%) | (-1.37%) | (-1.41%) |


**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Võ Thị Thùy Trang**
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ trang.vo@shinhan.com

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Nguyễn Dương Phương**
☎ (84-28) 6299 - 9004
✉ phuong.nd@shinhan.com


Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức doanh nghiệp

**1) MSB – Ngân hàng:** Lợi nhuận 6 tháng năm 2023 đạt hơn 3.500 tỷ đồng, hoàn thành 56% kế hoạch năm.

**2) GTA – Tài nguyên Cơ bản:** Quý II/2023, Gỗ Thuận An (GTA) báo lãi giảm hơn 55% xuống còn 2,6 tỷ đồng. Công ty cho biết nguyên nhân do chiến tranh, lạm phát kéo dài, giá sản phẩm đầu ra ngày càng thấp khiến lợi nhuận sụt giảm mạnh.

**3) PSP – Hàng & Dịch vụ Công nghiệp:** Luỹ kế 6 tháng đầu năm, Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PSP) ghi nhận doanh thu thuần đạt 109 tỷ đồng, tăng 13,5%; lợi nhuận sau thuế đạt 1,8 tỷ đồng, tăng 61% so với quý II/2022.

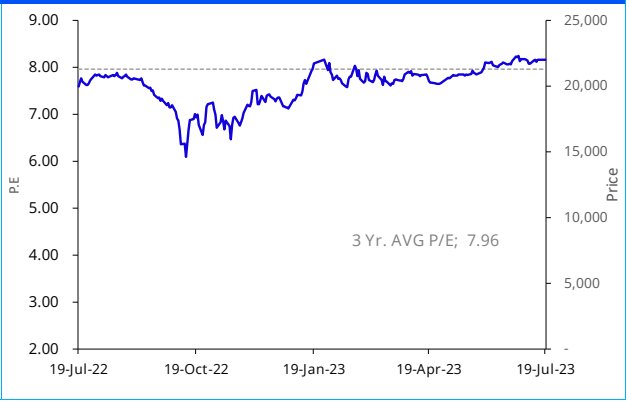
**4) PTB – Tài nguyên Cơ bản:** Thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu, Phú Tài báo lãi quý 2 giảm 36% so với cùng kỳ năm trước.

**5) SAF – Thực phẩm và đồ uống:** Safoco báo lãi đi lùi trong quý II/2023. Thực phẩm Safoco cho biết, lợi nhuận trong quý sụt giảm là do giá nguyên liệu tăng nhiều lần theo khung giá thị trường nhưng công ty vẫn giữ giá bán ổn định.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**Ngân hàng TMCP Á Châu – ACB**

**ACB – Ngân hàng:** Tại buổi AM được tổ chức vào chiều nay và có sự tham dự của CTCK Shinhan Việt Nam, ACB công bố lợi nhuận trước thuế đạt gần 10 nghìn tỷ đồng, tăng 11% yoy và đạt 50% kế hoạch của cả năm.



# Xu hướng dòng tiền

**Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)**

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 7/19/2023 | 7/20/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 36.7 | 72 | 200 | 147 | |
| 2 | Bán lẻ | 35.8 | 378 | 654 | 482 | |
| 3 | Tài nguyên Cơ bản | 29.3 | 1,140 | 1,548 | 1,197 | |
| 4 | Du lịch và Giải trí | 12.5 | 181 | 203 | 180 | |
| 5 | Dịch vụ tài chính | 10.4 | 1,765 | 2,148 | 1,946 | |
| 6 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 8.3 | 236 | 288 | 266 | |
| 7 | Hóa chất | 7.3 | 714 | 811 | 756 | |
| 8 | Thực phẩm và đồ uống | -8.3 | 1,249 | 1,195 | 1,303 | |
| 9 | Ngân hàng | -9.1 | 2,851 | 3,242 | 3,565 | |
| 10 | Dầu khí | -11.1 | 203 | 165 | 185 | |
| 11 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -11.6 | 923 | 702 | 794 | |
| 12 | Y tế | -17.0 | 74 | 41 | 49 | |
| 13 | Xây dựng và Vật liệu | -20.8 | 1,287 | 998 | 1,261 | |
| 14 | Bất động sản | -22.3 | 3,952 | 2,911 | 3,747 | |
| 15 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -26.9 | 208 | 175 | 239 | |
| 16 | Bảo hiểm | -28.4 | 52 | 45 | 62 | |
| 17 | Ô tô và phụ tùng | -42.9 | 155 | 73 | 128 | |

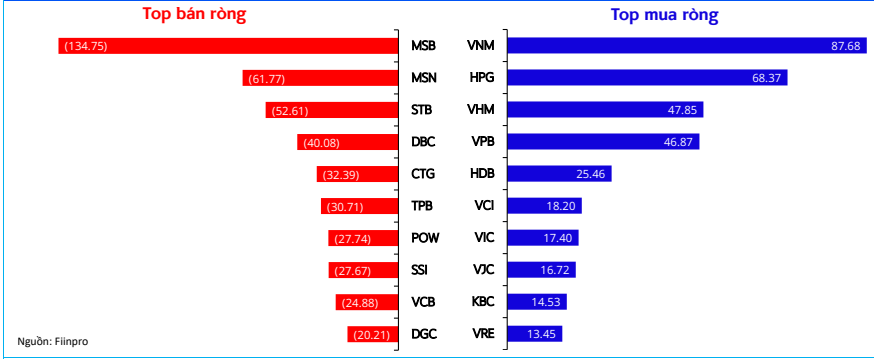
**Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 28,200 | 2.9 | 4.3 | 56.7 | 89 | 857.8 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 28,000 | -1.8 | -1.4 | 58.2 | 82 | 805.6 | |
| MSB | MSB Bank | Ngân hàng | 13,200 | 2.7 | 1.9 | 5.6 | 260 | 292.5 | |
| SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | Ngân hàng | 14,350 | 1.8 | 4.0 | 44.2 | 51 | 365.2 | |
| EIB | Eximbank | Ngân hàng | 19,800 | -3.2 | -2.2 | -15.0 | 80 | 272.1 | |
| DGC | Hóa chất Đức Giang | Hóa chất | 72,900 | 2.7 | 2.4 | 23.8 | 35 | 372.2 | |
| DGW | Thế Giới Số | Bán lẻ | 51,400 | 4.2 | 2.0 | 36.2 | 89 | 201.4 | |
| KSB | Khoáng sản Bình Dương | Tài nguyên Cơ bản | 32,000 | 3.4 | 2.6 | 71.1 | 91 | 154.7 | |
| TPB | Ngân hàng Tiên Phong | Ngân hàng | 18,800 | 0.5 | 3.0 | 24.3 | 53 | 207.2 | |
| SKG | Tàu Cao tốc Superdong | Du lịch và Giải trí | 20,100 | -6.9 | -3.6 | 39.6 | 316 | 91.3 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 57,700 | -1.4 | 2.5 | 20.2 | 40 | 206.8 | |
| FPT | FPT Corp | Công nghệ Thông tin | 80,300 | 2.3 | 5.9 | 20.1 | 44 | 184.1 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 79,500 | -1.6 | -2.8 | -14.5 | 37 | 186.3 | |
| FRT | Bán lẻ FPT | Bán lẻ | 76,500 | -0.6 | 0.1 | 27.5 | 64 | 126.0 | |
| BCG | Bamboo Capital | Dịch vụ tài chính | 9,580 | -0.3 | -2.8 | 51.8 | 52 | 139.1 | |

**Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| PVP | Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 15,750.0 | 2.3 | 9.8 | -3.1 | 8.9 | 15.75 | |
| BMI | Bảo hiểm Bảo Minh | Bảo hiểm | 26,400.0 | 2.9 | 3.5 | 22.8 | 3.3 | 26.40 | |
| TEG | TECGROUP | Bất động sản | 10,400.0 | 5.7 | 6.7 | 39.9 | 7.1 | 10.40 | |
| DHM | Khoáng sản Dương Hiếu | Tài nguyên Cơ bản | 8,440.0 | 2.9 | 7.4 | -11.6 | 5.3 | 8.44 | |
| MSB | MSB Bank | Ngân hàng | 13,200.0 | 2.7 | 1.9 | 5.6 | 3.0 | 13.20 | |
| HAR | BĐS An Dương Thảo Điền | Bất động sản | 4,860.0 | 6.8 | 11.2 | 38.9 | 7.3 | 4.86 | |
| HID | Halcom Vietnam | Xây dựng và Vật liệu | 3,910.0 | 6.8 | 11.4 | 28.6 | 8.4 | 3.91 | |
| BCE | XD và GT Bình Dương | Xây dựng và Vật liệu | 7,140.0 | 1.0 | 3.5 | 27.0 | 3.0 | 7.14 | |
| TGG | Louis Capital | Xây dựng và Vật liệu | 3,240.0 | -2.1 | -5.8 | -12.0 | -4.2 | 3.24 | |
| SKG | Tàu Cao tốc Superdong | Du lịch và Giải trí | 20,100.0 | -6.9 | -3.6 | 39.6 | -4.3 | 20.10 | |

**Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)**




Nguồn: Fiinpro

**Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)**

| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 7/20/2023 | 1,329.0 | 1,377.1 | -48.0 |
| 7/19/2023 | 1,230.8 | 1,014.4 | 216.4 |
| 7/18/2023 | 1,490.1 | 1,093.0 | 397.1 |
| 7/17/2023 | 1,577.5 | 1,067.9 | 509.6 |
| 7/14/2023 | 895.4 | 1,203.8 | -308.4 |
| 7/13/2023 | 1,117.8 | 898.7 | 219.1 |
| 7/12/2023 | 1,057.9 | 1,497.2 | -439.4 |
| 7/11/2023 | 1,384.0 | 1,522.2 | -138.2 |
| 7/10/2023 | 1,275.2 | 1,624.5 | -349.3 |
| 7/7/2023 | 1,247.3 | 2,662.4 | -1,415.1 |
| 7/6/2023 | 1,066.0 | 1,383.6 | -317.6 |
| 7/5/2023 | 1,362.5 | 1,175.9 | 186.6 |
| 7/4/2023 | 1,138.6 | 1,584.8 | -446.2 |
| 7/3/2023 | 857.4 | 723.7 | 133.7 |
| 6/30/2023 | 1,002.1 | 620.0 | 382.1 |
| 6/29/2023 | 1,158.7 | 1,043.7 | 115.0 |

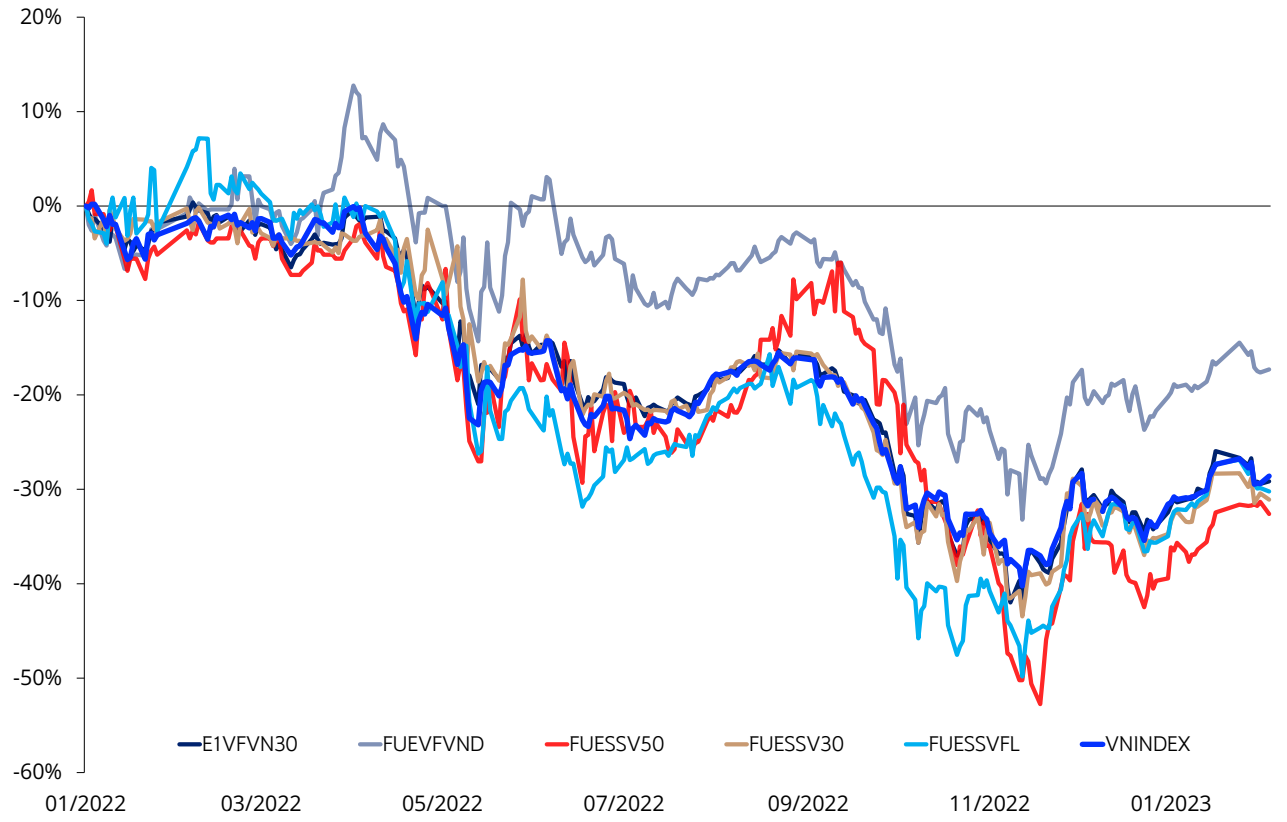


Shinhan Securities

# Chứng chỉ quỹ ETF

| Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 20,010 | -0.5% | 6.0% | 15.5% | 89,700 | 1.8 | |
| 2 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 25,220 | 0.5% | 7.5% | 12.6% | 684,900 | 17.2 | |
| 3 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 17,650 | 0.0% | 5.7% | 25.6% | 4,000 | 0.1 | |
| 4 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 14,390 | -0.1% | 6.6% | 15.3% | 5,600 | 0.1 | |
| 5 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 9,800 | 0.2% | 8.9% | 21.0% | 2,100 | 0.0 | |
| 6 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,340 | 0.0% | 6.9% | 15.5% | 1,200 | 0.0 | |
| 7 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 7,670 | -0.4% | 6.2% | 15.3% | 24,600 | 0.2 | |
| 8 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 10,340 | -0.5% | 4.9% | 22.8% | 1,300 | 0.0 | |
| 9 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 13,840 | 0.0% | 6.0% | 16.1% | 2,900 | 0.0 | |
| 10 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 17,950 | -0.1% | 3.9% | 25.1% | 65,900 | 1.2 | |
| 11 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 15,140 | -0.1% | 6.9% | 16.9% | 86,400 | 1.3 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




| Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
| 1 | E1VFVN30 | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 356.9 | -10.1 | -30.5 | -3.3 | 25.6 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 2 | FUEVFVND | DCVFM | 5/12/2020 | VNDIAMOND | 848.0 | 7.1 | -11.4 | -2.6 | 31.1 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 3 | FUESSV50 | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50 | 6.3 | 0.0 | 0.0 | 2.6 | 46.9 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 4 | FUESSV30 | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 3.9 | 0.2 | 0.4 | -5.8 | 33.4 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 5 | FUEDCMID | DCVFM | 9/29/2022 | VNMID | 3.9 | 0.0 | 0.0 | n.a | 34.7 | 1.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 6 | FUEIP100 | IPAAM | 7/28/2021 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -6.9 | 23.6 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 7 | FUEKIV30 | HVCapital | 1/6/2022 | VN30 | 13.6 | -0.6 | -0.6 | -4.7 | 33.7 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | FUEKIVFS | HVCapital | 11/3/2022 | VNFINSELECT | 10.8 | 7.3 | 7.3 | n.a | n.a | 1.1 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | FUEMAV30 | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | 0.0 | -0.1 | -4.2 | 25.3 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 10 | FUESSVFL | SSIAM | 2/24/2020 | VNFINLEAD | 175.0 | 0.7 | -1.4 | 8.5 | 36.4 | 0.8 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 11 | FUEVN100 | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -5.1 | 28.7 | 0.9 | 1.86 | 1.6 | 11.6 | 44.0 |

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.